CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 05/BHC/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA I, PHƯỜNG AN BÌNH, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM

Điện thoại: 0251.3836199 Fax: 0251.3836213

E-mail: E. bhc@bhconsumer.com | www.ttcagris.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 3600495818

Số giấy chứng nhận cơ sở đã đủ điều kiện ATTP: cơ sở đã có chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm FSSC 22000 còn hiệu lực. Số giấy chứng nhận VN013156-1 ngày cấp 06.03.2025 nơi cấp Bureau Veritas Certification.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm:

ĐƯỜNG DEXTROSE MONOHYDRATE

2. Thành phần: Dung dịch tinh bột ngô dung cho nguyên liệu thực phẩm

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất: In trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Quy cách đóng gói:

- Khối lượng tịnh: 25 kg
- Vật liệu bao bì đóng gói: Sản phẩm đựng trong bao bì PE lồng PP đảm bảo đạt vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định Bộ Y Tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

Tên cơ sở sản xuất: HEIBEI JINGFENG STARCH SUGAR ALCOHOL CO., LTD
Địa chỉ cơ sở sản xuất: North of Jinglong Street, East of Xihua Road, Ningjin County, Heibei Province, China.
Xuất xứ: Trung Quốc

III. Mẫu nhãn sản phẩm: đính kèm mẫu nhãn sản phẩm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Kim loại nặng: QCVN 8-2:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Chì	mg/kg	0,5
2	Hàm lượng Thủy Ngân	mg/kg	0,05
3	Hàm lượng Cadimi	mg/kg	1
4	Hàm lượng Asen	mg/kg	1

2. Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Phù hợp thông tư 50/2016/TT-BYT – Thông tư quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

3. Tiêu chuẩn của nhà sản xuất:

3.1 Chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Dạng bột mịn.
- Mùi vị: Vị ngọt, không có mùi lạ.
- Màu sắc: Tinh thể bột có màu trắng.

3.2 Hàm lượng hóa chất không mong muốn:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng SO_2	Mg/kg	10

4. Hướng dẫn sử dụng:

Dùng trong ngành công nghiệp thực phẩm, đồ uống.

5. Hướng dẫn sử dụng:

Trưng bày hoặc bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, kín. Tránh tiếp xúc với nước và ánh nắng mặt trời. Không bảo quả chung với hàng hóa độc hại, có hại, ăn mòn hoặc có mùi.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Đồng Nai, ngày 20 tháng 05 năm 2025.

GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY

M.S.D.N: 3600495818 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Lê Đình Nghiêm

Sản phẩm: ĐƯỜNG DEXTROSE MONOHYDRATE

Thành phần: Dung dịch tinh bột ngô dùng cho nguyên liệu thực phẩm

Khối lượng tịnh: 25 kg

Ngày sản xuất: Xem MFG trên bao bì

Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất

Xuất xứ: Trung Quốc

Hướng dẫn sử dụng: Dùng trong ngành công nghiệp thực phẩm, đồ uống

Hướng dẫn bảo quản: Trưng bày hoặc bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, kín. Tránh tiếp xúc với nước và ánh nắng mặt trời. Không bảo quản chung với hàng hóa độc hại, có hại, ăn mòn hoặc có mùi

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng hoặc có dấu hiệu hư hỏng

Nhập khẩu bởi:

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Sản xuất tại:

HEIBEI JINFENG STARCH SUGAR ALCOHOL CO., LTD

North of Jinglong Street, East of Xihua Road, Ningjin County, Heibei Province, China.

QHSE

Lê Hồng Phong

M.S.D.N: 3600495818 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

DUYỆT

Lê Đình Nghiêm

TRANSLATION
BẢN DỊCH

玉星

Glucose ăn được

Dextrose Monohydrate

Xuất xứ: Thành phố Hình Đài, tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc

Xếp loại chất lượng: Loại Cao cấp

Thành phần: Dung dịch tinh bột ngô dùng cho nguyên liệu thực phẩm

Thời hạn sử dụng: 24 tháng

Tiêu chuẩn thực hiện: GB/T 20880

Giấy phép Sản xuất Thực phẩm số: SC12313052801801

Số hồ sơ Doanh nghiệp Sản xuất Thực phẩm Xuất khẩu: 1300/15072

Điều kiện bảo quản: Bảo quản trong kho khô ráo, sạch sẽ và thông thoáng để tránh mưa, hỏa hoạn và ánh nắng mặt trời. Không bảo quản chung với hàng hóa độc hại, có hại, ăn mòn hoặc có mùi.

/MÃ QR/

HEBEI JINFENG STARCH SUGAR ALCOHOL CO., LTD.

Địa chỉ: Phía Bắc đường Tinh Long, phía Đông đường Tây Hoa, Huyện Ninh Tấn, Thành phố Hình Đài, Tỉnh Hà Bắc, Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa

Điện thoại: 0319-5808192

Web: www.yufengholding.cn

Tránh nơi có độ ẩm | Không để trực tiếp dưới ánh nắng mặt trời | Cẩn thận với lửa

Số giấy phép Chứng nhận Sản xuất Bao bì Phân cấp Thực phẩm: (Lu)XK16-204-03399

Ngày sản xuất và số lô: Xem trên nhãn

Khối lượng tịnh: 25kg

Đồng Nai, ngày 12 tháng 05 năm 2025

GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY

(đã ký và đóng dấu)

Lê Đình Nghiêm

Tôi, Đinh Thị Hòe, CCCD số: 040192044082 do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội cấp ngày 09/12/2022; cam đoan dịch chính xác giấy tờ/ văn bản này từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Người dịch

Đinh Thị Hòe

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 14 tháng 05 năm 2025

Tại: Văn phòng Công chứng Nguyễn Việt Cường, địa chỉ tại: số 184 (Tầng trệt, Tầng Lửng, Phòng 102 – Lầu 1) Dương Bá Trạc, Phường Rạch Ông, Quận 8, Thành phố. Hồ Chí Minh.
Tôi ....Huỳnh Dũng Tiến...., công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật,

CHỨNG NHẬN:

- Bản dịch này do Ông/Bà: Đinh Thị Hòe, cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Nguyễn Việt Cường, tỉnh (thành phố): Thành phố Hồ Chí Minh. Dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt;

- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của Ông/Bà: Đinh Thị Hòe;

- Nội dung bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;

- Văn bản công chứng này được lập thành..02... bản chính, mỗi bản gồm ..2... tờ, ..2.... trang.

Số công chứng 5885, quyển số 01/2025 TP/CC-SCC/BD

CÔNG CHỨNG VIÊN

S.Đ.K.H.Đ: 41020065 - C.T.N.D
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN VIỆT CƯỜNG
QUẬN 8 - T.P HỒ CHÍ MINH

Huỳnh Dũng Tiến

NHÃN CHÍNH SẢN PHẨM

玉星®

食用葡萄糖
Edible Glucose

一水葡萄糖
Dextrose Monohydrate

产地：中国河北省邢台市
质量等级：优级品
配料：食品原料用玉米淀粉乳
保质期：24个月
执行标准：GB/T 20880
生产许可证号：SC12313052801801
出口食品生产企业备案编号：
1300/15072
存放条件：本品应储存在通风、干燥、清洁的仓库内，严防日晒雨淋，严禁火种。不得与有毒、有害、有腐蚀性和含有异味的物品放在一起。

Origin: Xingtai City, Hebei Province, China
Quality Grade: Premium Grade
Ingredients: Corn starch solution for food raw materials
Shelf Life:24 Months
Executive Standard:GB/T 20880
Food Production License No:
SC12313052801801
Record Number of Export Food Production Enterprise:1300/15072
Storage Conditions: Stored in a Well-Ventilated, Dry and Clean warehouse to prevent rain, fire and sunlight. Do not store with toxic, harmful, corrosive or smelly goods.

河北金锋淀粉糖醇有限公司
HEBEI JINFENG STARCH SUGAR ALCOHOL CO., LTD.

地址：河北省邢台市宁晋县晶龙街北，西华路东
Address:North of Jinglong Street, East of Xihua Road, Ningjin County, Xingtai City, Hebei Province, P.R.China

电话：0319-5808192
Phone: 0319-5808192

www.yufengholding.cn

食品级包装生产证许可证证号：(鲁)XK16-204-03399
Food Grade Packaging Production Certificate License Number: (鲁)XK16-204-03399

批号生产日期见喷码
Production Date and Lot No.: See the marking

防潮防湿 防止强烈日晒 注意防火

净含量 Net Wt 25kg

Đồng Nai, ngày 12 tháng 05 năm 2025
GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY
Lê Đình Nghiêm

HEBEI JINFENG STARCH SUGAR ALCOHOL CO., LTD.
Địa chỉ: Phía Bắc đường Tinh Long, phía Đông đường Tây Hoa, Huyện Ninh Tấn, Thành phố Hình Đài, Tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc
Điện thoại: 0086-319-5808192 Fax: 0086-319-5808193

Mã tín dụng xã hội thống nhất:
91130528MA09X04U63

Giấy phép Kinh doanh
(Bản sao)

[Mã QR]

Quét mã QR để đăng nhập vào Hệ thống Công khai Thông tin Tín dụng Doanh nghiệp Quốc gia để biết thêm về việc đăng ký, nộp đơn, giấy phép và quy định.

Tên: HEBEI JINFENG STARCH SUGAR ALCOHOL CO., LTD.
Loại hình: Công ty TNHH (Doanh nghiệp tư nhân do cá nhân đầu tư hoặc kiểm soát)
Đại diện pháp lý: Qi Guangbo
Lĩnh vực kinh doanh: sản xuất và kinh doanh tinh bột ngô, dung dịch tinh bột ngô, phụ gia thức ăn chăn nuôi, phụ gia thực phẩm, nguyên liệu thô, sản phẩm dầu ăn, xuất nhập khẩu hàng hóa.

Vốn đăng ký: 1.160.000.000 Nhân dân tệ
Ngày thành lập: 23/03/2018
Thời hạn kinh doanh: 23/03/2018 – 22/03/2048
Địa chỉ: Phía Bắc đường Tinh Long, phía Đông đường Tây Hoa, Huyện Ninh Tấn, Tỉnh Hà Bắc

Cơ quan đăng ký: Cục Quản lý Thị trường Huyện Ninh Tấn
Ngày 08/02/2025
(Đã đóng dấu)

Trang web của Hệ thống Công khai Thông tin Tín dụng Doanh nghiệp Quốc gia http://www.gsxt.gov.cn

Mỗi thực thể doanh nghiệp thị trường phải nộp báo cáo hàng năm của mình để công khai trên trang web của Hệ thống Công khai Thông tin Tín dụng Doanh nghiệp Quốc gia từ ngày 01/01 đến ngày 30/06 hàng năm.

Dưới sự kiểm soát của Cục Quản lý Thị trường Nhà nước

TRANSLATION
BẢN DỊCH

Tôi, Đinh Thị Hòe, CCCD số: 040192044082 do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội cấp ngày 09/12/2022; cam đoan dịch chính xác giấy tờ/ văn bản này từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Người dịch

Đinh Thị Hòe

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 14 tháng 05 năm 2025

Tại: Văn phòng Công chứng Nguyễn Việt Cường, địa chỉ tại: số 184 (Tầng trệt, Tầng Lửng, Phòng 102 – Lầu 1) Dương Bá Trạc, Phường Rạch Ông, Quận 8, Thành phố. Hồ Chí Minh.
Tôi .....Huỳnh Dũng Tiến....., công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật,

CHỨNG NHẬN:

- Bản dịch này do Ông/Bà: Đinh Thị Hòe, cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Nguyễn Việt Cường, tỉnh (thành phố): Thành phố Hồ Chí Minh. Dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt;

- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của Ông/Bà: Đinh Thị Hòe;

- Nội dung bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;

- Văn bản công chứng này được lập thành...02... bản chính, mỗi bản gồm ...2... tờ, ..2.... trang.

Số công chứng 5283., quyển số 01/2025 TP/CC-SCC/BD

CÔNG CHỨNG VIÊN

S.Đ.K.H.Đ: 41020065 C.T.H.D
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN VIỆT CƯỜNG
QUẬN 8 - T.P HỒ CHÍ MINH

Huỳnh Dũng Tiến

河北金锋淀粉糖醇有限公司
HEBEI JINFENG STARCH SUGAR ALCOHOL CO., LTD.
地址：河北省邢台市宁晋县晶龙街以北，西华路以东
Add.:North of Jinglong Street,East of Xihua Road, Ningjin County, Hebei Province, China
电话 Tel: 0086-319-5808192 Fax: 0086-319-5808193

统一社会信用代码

91130528MA09X04U63

Business License

(Duplicate Copy)

扫描二维码登录"国家企业信用信息公示系统"了解更多登记、备案、许可、监管信息。

Name:HEBEI JINFENG STARCH SUGAR ALCOHOL CO., LTD.

Type: Limited Company(Sole proprietorship of legal person invested or controlled by natural person)

Legal Representative: Qi Guangbo

Business Scope: manufacturing and selling Corn Starch, Corn Starch Solution, feed additive, food additive, raw material, Edible oil products, import and export of goods.

Registered Capital: 1,160,000,000 RMB

Founded Date: March 23rd, 2018

Business term: March 23rd, 2018-March 22nd, 2048

Address: North of Jinglong Street,East of Xihua Road, Ningjin County, Hebei Province

河北金锋淀粉糖醇有限公司
HEBEI JINFENG STARCH SUGAR ALCOHOL CO., LTD.

Registration Authority

市场监督管理行政审批局
审批专用章(5)

2025 年 2 月 8 日

国家企业信用信息公示系统网址:http://www.gsxt.gov.cn

市场主体应当于每年1月1日至6月30日通过国家企业信用信息公示系统报送公示年度报告。

国家市场监督管理总局监制

TRANSLATION
SGS
BẢN DỊCH

Chứng nhận CN24/00006789
Hệ thống Quản lý An toàn Thực phẩm của

Hebei Jinfeng Starch Sugar Alcohol Co., LTD.

COID: CHN-1-2080-308877

Phía Bắc đường Tinh Long, phía Đông đường Tây Hoa, Huyện Ninh Tấn, Thành phố Hình Đài, Tỉnh Hà Bắc, Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa

đã được đánh giá và xác định là tuân thủ các yêu cầu của

Chứng nhận Hệ thống An toàn Thực phẩm FSSC 22000

Chương trình chứng nhận cho hệ thống quản lý an toàn thực phẩm bao gồm các yếu tố sau: ISO 22000:2018, ISO/TS22002-1:2009 và các yêu cầu bổ sung của FSSC 22000 (phiên bản 6).

Chứng nhận này áp dụng cho phạm vi

Sản xuất đường tinh bột (Maltose, Xi-rô giàu Fructose, Dextrose Monohydrate, Xi-rô Glucose, Dextrose Anhydrate, Maltodextrin, Trehalose), bao gồm quy trình lọc; Sản xuất phụ gia thực phẩm (Xi-rô Dsorbitol, Xi-rô Maltitol, Sorbitol, D-mannitol), bao gồm cả quy trình lọc.

LOẠI TRỪ: Không có

Loại thực phẩm: CIV - Chế biến các sản phẩm ổn định ở nhiệt độ phòng, K - Hóa chất và sinh hóa

Chứng nhận này có hiệu lực từ ngày 28/11/2024 đến ngày 27/11/2027 và vẫn có hiệu lực tùy thuộc vào các cuộc kiểm tra giám sát đạt yêu cầu.
Ngày cấp quyết định Chứng nhận: 13/11/2024
Ngày cấp: 15/11/2024
Phiên bản 2. Được chứng nhận từ ngày 28/11/2018
Ngày kiểm tra không báo trước gần đây nhất: 10/01/2024-12/01/2024
Cần phải thực hiện ít nhất một (1) cuộc kiểm tra giám sát không báo trước sau cuộc kiểm tra chứng nhận ban đầu và sau đó mỗi ba (3) năm một lần.

(Đã ký)

Được ủy quyền bởi
Liz Moran
Giám đốc kinh doanh [MÃ QR]
SGS United Kingdom Ltd
Rossmore Business Park, Ellesmere Port, Cheshire, CH65 3EN, Vương quốc Anh
ĐT +44 (0)151 350-6666 - www.sgs.com
Tính xác thực của chứng nhận này có thể được xác minh trong cơ sở dữ liệu FSSC 22000 của các tổ chức được chứng nhận có sẵn trên www.fssc.com.

FSSC 22000

UKAS MANAGEMENT SYSTEMS 0005

Tài liệu này là chứng nhận điện tử xác thực chỉ dành cho mục đích kinh doanh của Khách hàng. Phiên bản in của chứng nhận điện tử được chấp nhận và sẽ được coi là bản sao. Tài liệu này do Công ty phát hành theo Điều kiện chung của SGS về dịch vụ chứng nhận có sẵn trên Điều khoản và Điều kiện | SGS. Xin lưu ý đến giới hạn trách nhiệm, bồi thường và các điều khoản về thẩm quyền có trong chứng nhận. Tài liệu này được bảo vệ bản quyền và bất kỳ sự thay đổi, làm giả hoặc làm sai lệch trái phép nào về nội dung hoặc hình thức của tài liệu này đều là bất hợp pháp.

Tôi, Đinh Thị Hòe, CCCD số: 040192044082 do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội cấp ngày 09/12/2022; cam đoan dịch chính xác giấy tờ/ văn bản này từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Người dịch

Đinh Thị Hòe

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 14 tháng 05 năm 2025

Tại: Văn phòng Công chứng Nguyễn Việt Cường, địa chỉ tại: số 184 (Tầng trệt, Tầng Lửng, Phòng 102 – Lầu 1) Dương Bá Trạc, Phường Rạch Ông, Quận 8, Thành phố. Hồ Chí Minh.
Tôi .....Huỳnh Dũng Tiến....., công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật,

CHỨNG NHẬN:

- Bản dịch này do Ông/Bà: Đinh Thị Hòe, cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Nguyễn Việt Cường, tỉnh (thành phố): Thành phố Hồ Chí Minh. Dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt;

- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của Ông/Bà: Đinh Thị Hòe;

- Nội dung bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;

- Văn bản công chứng này được lập thành..02.. bản chính, mỗi bản gồm ..2.... tờ, ..2..... trang.

Số công chứng 5386., quyển số 01/2025 TP/CC-SCC/BD

CÔNG CHỨNG VIÊN

S.Đ.K.H.Đ: 41020065 C.T.H.D
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN VIỆT CƯỜNG
QUẬN 8 - T.P HỒ CHÍ MINH

Huỳnh Dũng Tiến

Certificate CN24/00006789
The Food Safety Management System of

Hebei Jinfeng Starch Sugar Alcohol Co., LTD.

COID: CHN-1-2080-308877

North of Jinglong Street, East of Xihua Road, Ningjin County, Xingtai City, Hebei Province, P.R. China

has been assessed and determined to comply with the requirements of

Food Safety System Certification FSSC 22000

Certification scheme for food safety management systems consisting of the following elements: ISO 22000:2018, ISO/TS22002-1:2009 and Additional FSSC 22000 requirements (version 6).

This certificate is applicable for the scope of

Production of starch sugar (Maltose, High Fructose Syrup, Dextrose Monohydrate, Glucose Syrup, Dextrose Anhydrate, Maltodextrin, Trehalose), including filtering process; Production of food additives (Dsorbitol-Syrup, Maltitol Syrup, Sorbitol, D-mannitol), including filtering process.

EXCLUSIONS: N/A

Food Category: CIV - Processing of ambient stable products, K - Chemical and bio-chemical

This certificate is valid from 28 November 2024 until 27 November 2027 and remains valid subject to satisfactory surveillance audits.
Date of Certification decision 13 November 2024
Issue Date: 15 November 2024
Issue 2. Certified since 28 November 2018
Date of the last unannounced audit: 10 January 2024-12 January 2024
At least one (1) surveillance audit is required to be undertaken unannounced after the initial certification audit and within each three (3) year period thereafter.

L. Moran

Authorised by
Liz Moran
Business Manager
SGS United Kingdom Ltd
Rossmore Business Park, Ellesmere Port, Cheshire, CH65 3EN, UK
t +44 (0)151 350-6666 - www.sgs.com

The authenticity of this certificate can be verified in the FSSC 22000 database of certified organizations available on www.fssc.com.

UKAS MANAGEMENT SYSTEMS 0005

This document is an authentic electronic certificate for Client' business purposes use only. Printed version of the electronic certificate are permitted and will be considered as a copy. This document is issued by the Company subject to SGS General Conditions of certification services available on Terms and Conditions | SGS. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdictional clauses contained therein. This document is copyright protected and any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful.

Bureau Veritas Certification

Giấy chứng nhận cấp cho
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA 1, PHƯỜNG AN BÌNH, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM

COID - VNM-1-6756-908057

Bureau Veritas Certification Holding SAS, chi nhánh UK chứng nhận rằng hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của tổ chức trên đã được đánh giá và xác định tuân thủ các yêu cầu của:

Tiêu chuẩn

FSSC 22000

Chương trình chứng nhận cho hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, bao gồm các yếu tố sau

ISO 22000:2018, ISO TS 22002-1:2009 và các yêu cầu bổ sung của FSSC 22000 V6

Giấy chứng nhận này áp dụng cho phạm vi

SẢN XUẤT ĐƯỜNG (ĐƯỜNG TINH LUYỆN, ĐƯỜNG TRẮNG, ĐƯỜNG PHÈN, ĐƯỜNG LỎNG, ĐƯỜNG MÍA LỎNG, ĐƯỜNG VIÊN, ĐƯỜNG THANH, ĐƯỜNG NÂU, ĐƯỜNG ĐEN, ĐƯỜNG TRỘN, ĐƯỜNG KHOÁNG CHẤT) VÀ MẬT (NƯỚC MÀU). ĐÓNG GÓI ĐƯỜNG ĂN KIÊNG.

FSSC - Danh mục Chuỗi Thực phẩm: **CIV - Chế biến các sản phẩm lưu trữ ở nhiệt độ thường**

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 30 tháng 04 năm 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
Lê Đình Nghiêm

Ngày đánh giá không báo trước gần nhất:	**NA**
Ngày chứng nhận ban đầu:	**24-02-2014**
Ngày hết hạn chu kì trước:	**26-02-2023**
Ngày quyết định chứng nhận:	**06-03-2025**
Ngày bắt đầu chu kì chứng nhận:	**23-02-2023**
Có hiệu lực đến:	**26-02-2026**
Số giấy chứng nhận/Phiên bản:	**VN013156 - 1**
Ngày cấp:	**06-03-2025**

*Cần phải thực hiện ít nhất một (1) cuộc đánh giá giám sát không báo trước sau đợt đánh giá chứng nhận đầu tiên trong mỗi khoảng thời gian ba (3) năm sau đó

Đã ký thay mặt cho BVCH SAS
Chi nhánh UK

UKAS MANAGEMENT SYSTEMS
0008

FSSC 22000

Địa chỉ tổ chức chứng nhận: Tầng 5, 100 Đường Lower Thames, London, EC3R 6DL, Vương quốc Anh

Văn phòng địa phương: HCM Trụ sở chính: Số 36-38 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 15, Quận Phú Nhuận, TP.HCM, Việt Nam

Có thể tìm hiểu thêm về phạm vi của chứng nhận này và mức độ khả dụng các yêu cầu của hệ thống quản lý bằng cách tham vấn với tổ chức.

Chứng nhận này vẫn là tài sản của Bureau Veritas Certification Holding SAS – Chi nhánh Vương quốc Anh
Chứng nhận này có thể được xác thực trên cơ sở dữ liệu FSSC 22000 cho các Tổ chức được chứng nhận có sẵn trên www.fssc.com

NHÃN CHÍNH SẢN PHẨM

玉星®

食用葡萄糖
Edible Glucose

一水葡萄糖
Dextrose Monohydrate

产地：中国河北省邢台市
质量等级：优级品
配料：食品原料用玉米淀粉乳
保质期：24个月
执行标准：GB/T 20880
生产许可证号：SC12313052801801
出口食品生产企业备案编号：
1300/15072
存放条件：本品应储存在通风、干燥、清洁的仓库内，严防日晒雨淋，严禁火种。不得与有毒、有害、有腐蚀性和含有异味的物品放在一起。

Origin: Xingtai City, Hebei Province, China
Quality Grade: Premium Grade
Ingredients: Corn starch solution for food raw materials
Shelf Life:24 Months
Executive Standard:GB/T 20880
Food Production License No: SC12313052801801
Record Number of Export Food Production Enterprise:1300/15072
Storage Conditions: Stored in a Well-Ventilated, Dry and Clean warehouse to prevent rain, fire and sunlight. Do not store with toxic, harmful, corrosive or smelly goods.

河北金锋淀粉糖醇有限公司
HEBEI JINFENG STARCH SUGAR ALCOHOL CO., LTD.

地址：河北省邢台市宁晋县晶龙街北，西华路东
Address: North of Jinglong Street, East of Xihua Road, Ningjin County, Xingtai City, Hebei Province, P.R.China

电话：0319-5808192
Phone: 0319-5808192

www.yufengholding.cn

注意防潮 防止暴晒 注意防火

食品级包装生产证许可证证号：(鲁)XK16-204-03399
Food Grade Packaging Production Certificate License Number: (鲁)XK16-204-03399

批号生产日期见喷码
Production Date and Lot No.: See the marking

净含量 Net Wt 25kg

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐỒNG TIẾN BIÊN HÒA TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Đồng Nai, ngày 12 tháng 05 năm 2025
GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY

Lê Đình Nghiêm

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
QUATEST 3®
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Thu Duc City, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-02572BTP5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

14/05/2025

1. Tên mẫu / *Name of sample* : **ĐƯỜNG DEXTROSE MONOHYDRATE**

2. Mô tả mẫu / *Sample description* : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu đựng trong túi nhựa.
As received sample is contained in plastic bag.

3. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01

4. Ngày nhận mẫu / *Date of receiving* : 24/04/2025

5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration* : 25/04/2025 - 14/05/2025

6. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA**
Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

7. Kết quả thử nghiệm / *Test results* : Xem trang / *See page* 02-05/05

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ *PP. DIRECTOR*
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-02572BTP5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

7. Kết quả thử nghiệm / *Test results*:

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Phạm vi đo *Range of measurement* (≥)	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.1. Cảm quan(*) / *Sensory test*	QTTN/KT3 234 : 2019		-	
• Trạng thái / *State*				Dạng bột, mịn, không vón *Powder, silky, no curdle*
• Màu sắc / *Color*				Trắng *White*
• Mùi vị/ *Odor & taste*				Đặc trưng của sản phẩm *Characteristic of product*
7.2. Hàm lượng glucose tính theo khối lượng, % *Glucose content (m/m)*	QTTN/KT3 096 : 2017		-	91,3
7.3. pH dung dịch 50 % *pH of 50 % solution*	TCVN 12348:2018		-	4,30
7.4. Độ ẩm tính theo khối lượng, % *Moisture content (m/m)*	QTTN/KT3 136 : 2016		-	9,04
7.5. Hàm lượng sunphua dioxyt (SO_2), g/kg *Sulfur dioxide content*	AOAC 2019 (990.28)		$6,0 \times 10^{-3}$	Không phát hiện *Not detected*
7.6. Năng lượng(*) / *Calories*	QTTN/KT3 024 : 2018		-	
• kcal/100 g				396
7.7. Hàm lượng carbohydrate không bao gồm chất xơ, g/100 g *Carbohydrate excluding fibre content*	QTTN/KT3 317:2022		-	99,1
7.8. Hàm lượng béo, g/100 g *Fat content*	QTTN/KT3 139 : 2016 (Có thủy phân)		0,1	Không phát hiện *Not detected*
7.9. Hàm lượng protein, g/100 g *Protein content*	QTTN/KT3 140 : 2016 Kjeldahl method		0,1	Không phát hiện *Not detected*
7.10. Hàm lượng natri, mg/100 g *Sodium content*	QTTN/KT3 293:2021 (Ref: AOAC (969.23))	1,30		Không phát hiện *Not detected*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-02572BTP5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Phạm vi đo *Range of measurement* (≥)	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.11. Hàm lượng đường tổng số[(2)], g/100 g *Total sugar content*	QTTN/KT3 096 : 2017		-	91,3
7.12. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg *Total arsenic content*	TCVN 8427 : 2010	$1,00 \times 10^{-2}$		Không phát hiện *Not detected*
7.13. Hàm lượng chì, mg/kg *Lead content*	QTTN/KT3 098 : 2016	$3,00 \times 10^{-2}$		Không phát hiện *Not detected*
7.14. Hàm lượng cadimi, mg/kg *Cadmium content*	QTTN/KT3 098 : 2016	$3,00 \times 10^{-2}$		Không phát hiện *Not detected*
7.15. Hàm lượng thủy ngân, mg/kg *Mercury content*	QTTN/KT3 064:2016	$1,50 \times 10^{-2}$		Không phát hiện *Not detected*
7.16. Tổng số vi khuẩn hiếu khí, CFU/10 g *Total mesophillic bacterial count*	GS 2/3 - 41 (2011) ICUMSA 2017	-		$6,0 \times 10^{0}$
7.17. Nấm mốc, CFU/10 g *Total moulds*	GS 2/3 - 47 (2015) ICUMSA 2017	-		Nhỏ hơn 1[(1)] *Less than*
7.18. Nấm men, CFU/10 g *Total yeasts*	GS 2/3 - 47 (2015) ICUMSA 2017	-		$2,0 \times 10^{0}$
7.19. *Salmonella* spp /25 g	ISO 6579-1:2017/ Amd.1:2020	-		Không phát hiện *Not detected*
7.20. Coliform, CFU/g	ISO 4832 : 2006	-		Nhỏ hơn 10[(1)] *Less than*
7.21. *E. Coli*, MPN/g	ISO 16649 – 3 : 2015	-		0
7.22. *Staphylococcus aureus*, CFU/g	AOAC 2023 (975.55)	-		Nhỏ hơn 10[(1)] *Less than*
7.23. Thử nghiệm GMO/ GMO Testing Phát hiện DNA thực vật dựa vào gen actin Phương pháp Real time PCR *Detection of actin gene (actin gene) Real-time PCR technique*	QTTN/KT3 287:2021 Real time PCR	10 copies		Không phát hiện *Not detected*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. */ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Thu Duc City, HCMC, Vietnam 49 Pasteur, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-02572BTP5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

14/05/2025

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện/ *Limit of Detection*	Phạm vi đo/ *Range of measurement* (≥)	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.24. Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật, mg/kg *Pesticide content*				
• 2,4-D	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện *Not detected*
• Aldicarb	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện *Not detected*
• Azinphos – methyl	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện *Not detected*
• Carbofuran	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện *Not detected*
• Clothianidin	QTTN/KT3 272:2020	0,005		Không phát hiện *Not detected*
• Lambda-cyhalothrin (includes gamma-cyhalothrin) (sum of R, S ang S, R isomers)	EN 15662:2018	0,05		Không phát hiện *Not detected*
• Cypermethrin (sum of isomer)	EN 15662:2018	0,05		Không phát hiện *Not detected*
• Chlorantraniliprole	EN 15662:2018	0,005		Không phát hiện *Not detected*
• Dicamba	QTTN/KT3 272:2020	0,05		Không phát hiện *Not detected*
• Ethoprophos	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện *Not detected*
• Glyphosate	QTTN/KT3 274:2020	0,005		Không phát hiện *Not detected*
• Imazapic	QTTN/KT3 272:2020	0,005		Không phát hiện *Not detected*
• Isoxaflutole	QTTN/KT3 272:2020	0,005		Không phát hiện *Not detected*
• Mesotrione	QTTN/KT3 272:2020	0,005		Không phát hiện *Not detected*
• Novaluron	EN 15662:2018	0,005		Không phát hiện *Not detected*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-02572BTP5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Phạm vi đo *Range of measurement* (≥)	Kết quả thử nghiệm *Test result*
• Propiconazole (sum of isomer)	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện *Not detected*
• Tebufenozide	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện *Not detected*
• Trinexapac-ethyl	QTTN/KT3 272:2020	0,0025		Không phát hiện *Not detected*
7.25. Độ tro dẫn điện	(A)	N/A	N/A	N/A

Ghi chú/ *Note*: Hàm lượng protein/ *Protein* = 6,25 x Hàm lượng nitơ tổng/ *Nitrogen*

(1): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g; 1 CFU/10 g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.
According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g; 1 CFU/10 g when the dish contains no colony.

(A): Hiện nay Trung tâm Kỹ thuật 3 chưa có phương pháp thử phù hợp cho mẫu này
Quatest 3 does not have suitable test method for this sample.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

BẢN SAO

Mã số doanh nghiệp: 3600495818

Đăng ký lần đầu: ngày 16 tháng 05 năm 2001

Đăng ký thay đổi lần thứ: 28, ngày 27 tháng 03 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BIEN HOA CONSUMER JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BIEN HOA CONSUMER JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: *0251.3836199* Fax: *0251.3836213*

Email: *bhs@bhs.vn* Website: *www.bhs.vn*

3. Vốn điều lệ: 3.577.800.000.000 đồng.

Bằng chữ: Ba nghìn năm trăm bảy mươi bảy tỷ tám trăm triệu đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 357.780.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: ĐẶNG HUỲNH ỨC MY Giới tính: *Nữ*

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: *12/12/1981* Dân tộc: *Hoa* *Quốc tịch: Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *079181030713*

Ngày cấp: *08/07/2022* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *94A Khuông Việt, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *94A Khuông Việt, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 35263 quyển số 1 - SCT/BS
Ngày 27 -11- 2024
CỘNG CHỨNG VIÊN
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG BÌNH DA
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI
Nguyễn Thị Thảo

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH
Lê Hoàng Huynh